

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức đối với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức đối với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2587/TTr-SNV ngày 24 tháng 12 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ biên chế công chức năm 2019 đối với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (có bảng chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ thông báo biên chế công chức đến các cơ quan được giao theo đúng quy định của pháp luật.

Giám đốc các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định phân bổ biên chế công chức cho từng Phòng, ban chuyên môn; quản lý, sử dụng có hiệu quả số chỉ tiêu biên chế công chức được giao, đồng thời thực hiện tốt việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành chức năng có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** *Ký*

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

๕0

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Ngọc**

**PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28 tháng 1 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế công chức	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>1.853</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>1.002</b>	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	46	Giảm 02 biên chế công chức
2	Sở Y tế	56	Giảm 01 biên chế công chức
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	162	Giảm 05 biên chế công chức
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	43	Giảm 01 biên chế công chức
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	
6	Sở Xây dựng	46	Giảm 01 biên chế công chức
7	Sở Khoa học và Công nghệ	39	Giảm 01 biên chế công chức
8	Sở Tư pháp	27	
9	Sở Tài chính	59	
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	55	Giảm 02 biên chế công chức
11	Sở Giao thông vận tải	63	Giảm 02 biên chế công chức
12	Sở Công thương	37	Giảm 01 biên chế công chức, đã bàn giao 56 biên chế của Chi cục Quản lý thị trường về Bộ Công thương
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51	Giảm 01 biên chế công chức
14	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	90	Giảm 02 biên chế công chức
15	Sở Nội vụ	68	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	27	Giảm 01 biên chế công chức
17	Sở Ngoại vụ	20	
18	Thanh tra tỉnh	31	
19	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	42	Giảm 02 biên chế công chức
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>851</b>	
1	Huyện Bến Cầu	94	Giảm 01 biên chế công chức
2	Huyện Châu Thành	95	Giảm 02 biên chế công chức
3	Huyện Dương Minh Châu	93	Giảm 02 biên chế công chức
4	Huyện Gò Dầu	94	Giảm 03 biên chế công chức
5	Huyện Hòa Thành	97	Giảm 01 biên chế công chức
6	Huyện Tân Biên	93	Giảm 02 biên chế công chức
7	Huyện Tân Châu	93	Giảm 02 biên chế công chức
8	Thành phố Tây Ninh	96	Giảm 02 biên chế công chức
9	Huyện Trảng Bàng	96	Giảm 03 biên chế công chức

